

Vietnam Daily Review

Chiều cuối năm an yên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiểu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/1/2022		•	
Tuần 24/1-28/1/2022		•	
Tháng 1/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tập Nhật kí trong tù đã có những câu thơ như sau:

“Vĩ không có cảnh đông tàn

Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân”

Áp vào trường hợp của VN-Index, sau một tuần ngậm đắng nuốt cay, cạp đất cũng không có mà ăn thì thị trường hôm nay tiếp tục là một phiên tăng điểm sau phiên bật như lò xo gần 40 điểm của ngày hôm qua. Sau khi vượt MA50, áp lực bán tuy có xuất hiện, song VN-Index vẫn giữ được sắc xanh nhẹ cho ngày hôm nay, tiếp thêm hi vọng cho những “nhà thám hiểm ngoài đảo xa”. Ngoài nhóm Ngân hàng chống lưng, chỉ số được hỗ trợ thêm từ nhóm ngành Dầu khí với mức tăng trên 3%. Đây cũng là ngành tăng điểm mạnh nhất trong 11/19 ngành tăng điểm hôm nay. Khối nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục giữ diễn biến mua ròng trên HSX và quay lại mua ròng trên HNX sau phiên bán ròng nhẹ của hôm qua. Theo quan điểm phân tích kĩ thuật, VN-Index đã đóng cửa trên đường MA50 cùng sự xuất hiện của mẫu hình nến Bullish Engulfing giúp củng cố niềm tin về điểm cân bằng ở xung quanh vùng MA50, tương đương với ngưỡng 1480. Đây sẽ là kịch bản khả quan nhất để tích lũy và giúp VN-Index tiếp tục xu hướng tăng sau kì nghỉ Tết âm lịch sắp tới.

Hợp đồng tương lai: Nhịp tăng của VN30 đã kéo theo sự tăng điểm số của các HĐTL. Các nhà đầu tư có thể canh mua ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/01/2022, phần lớn các chứng quyền tăng theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: PLX_Xu hướng hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn:

- VN-Index +2.00 điểm, đóng cửa 1,481.58 điểm. HNX-Index +1.59 điểm, đóng cửa 411.82 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: GAS (+1.31), VPB (+1.13), PLX (+0.84), CTG (+0.79), MBB (+0.67).
- Kéo chỉ số giảm: MSN (-1.80), VCB (-1.57), BID (-1.16), PDR (-0.40), VCG (-0.36).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 21,929 tỷ đồng, tăng 7.2% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,502 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 12 điểm. Thị trường có 225 mã tăng, 37 mã tham chiếu và 239 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 319.64 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm CTG (211.31 tỷ), KBC (134.74 tỷ), LPB (118.56 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 13.41 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX 1481.58

Giá trị: 21928.72 tỷ 2 (0.14%)

Khối ngoại (ròng): 319.64 tỷ

HNX-INDEX 411.82

Giá trị: 1574.37 tỷ 1.59 (0.39%)

Khối ngoại (ròng): 13.41 tỷ

UPCOM-INDEX 109.05

Giá trị: 1065.69 tỷ 1.02 (0.94%)

Khối ngoại(ròng): 33.69 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	85.9	0.34%
Giá vàng	1,844	-0.20%
Tỷ giá USD/VND	22,649	-0.08%
Tỷ giá EUR/VND	25,575	-0.10%
Tỷ giá JPY/VND	19,851	-0.29%
LS liên NH 1 tháng	2.2%	16.88%
LS TPCP 5 năm	0.9%	-12.50%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	211.3	MSN	-122.5
KBC	134.7	PLX	-66.5
LPB	118.6	NVL	-61065.0
VHM	95.6	PNJ	-42.8
DXG	67.1	E1VFN30	-41.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 26/01

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	85.25	-0.41%	-0.60%	16.10%	73.55%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	88.05	-0.17%	-0.40%	12.60%	59.05%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	245.62	-0.13%	0.00%	11.50%	71.03%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1847.12	-0.05%	0.40%	1.90%	0.89%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.79	-0.09%	-1.50%	3.10%	-12.78%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1401.25	-0.43%	0.70%	4.50%	28.03%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	811.75	-0.76%	1.90%	-0.40%	27.08%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.81	-3.43%	-7.40%	3.80%	24.31%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	207.78	1.43%	-5.00%	1.90%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.78	-0.16%	0.60%	-2.50%	26.55%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	237.90	2.12%	-0.70%	1.90%	77.27%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9801.00	0.75%	1.30%	2.80%	22.38%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	738.37	-0.13%	-0.30%	4.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	756.23	-0.23%	-0.30%	4.30%			
Nhôm	USD/ton	3092.00	2.10%	2.20%	12.30%	53.07%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	120.22	1.33%	4.10%	8.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	224.00	1.82%	4.20%	35.30%	186.81%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 1.93 USD hay 2.2% lên 88.2 USD/thùng, trong khi dầu WTI tăng 2.29 USD hay 2.8% lên 85.6 USD/thùng.
- Giá dầu tăng hơn 2% do lo ngại nguồn cung có thể trở nên thắt chặt bởi căng thẳng Ukraina – Nga, các mối đe dọa cơ sở hạ tầng tại UAE và OPEC+ chặt vật để đạt được mục tiêu tăng trưởng hàng tháng của họ.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.5% lên 1,852.03 USD/ounce, sau khi đạt 1,852.65 USD mức cao nhất kể từ ngày 19/11/2021. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 2 đóng cửa tăng 0.6% lên 1,852.5 USD/ounce.
- Giá vàng đạt mức cao nhất trong hơn hai tháng do lo ngại căng thẳng địa chính trị về Ukraina và trước cuộc họp của Cục dự trữ liên bang Mỹ có thể đưa ra những manh mối về kế hoạch thắt chặt chính sách tiền tệ của họ.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa tăng 1.4% lên 766.6 CNY (121.14 USD)/tấn. Tại Singapore hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 3 tăng 2.5% lên 136.2 USD/tấn.
- Giá quặng sắt tại Trung Quốc và Singapore tăng sau khi công ty khai thác mỏ Fortescue Metals Group đưa ra lo ngại về tình trạng thiếu hụt lao động tại Australia vì hạn chế do Covid-19 có thể cản trở sản lượng và vận chuyển quặng sắt này.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 6 trên sàn giao dịch Osaka đóng cửa giảm 5 JPY hay 2.1% xuống 233.2JPY (2.1 USD)/kg, sau khi chạm mức thấp nhất kể từ ngày 29/12/2021 tại 233 JPY trong đầu phiên giao dịch này.
- Giá cao su tại Nhật Bản giảm phiên thứ ba liên tiếp xuống mức thấp nhất trong 4 tuần do các nhà đầu tư lo ngại về tốc độ thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh hơn của Cục dự trữ liên bang, điều này có thể làm chậm kinh tế toàn cầu.

Giá nông sản

- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3 tăng 4.95 US cent hay 2.1% lên 2.379 USD/lb. Cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3 tăng 40 USD hay 1.8% lên 2,237 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3 giảm 0.03 US cent hay 0.2% xuống 18.78 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3 giảm 0.5 USD hay 0.1% xuống 504 USD/tấn.

	26/1	% 26/1	25/1	% 25/1	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1481.58	0.14%	1479.58	2.77%	2.69%	0.31%
S&P 500			4356.45	-1.22%	-4.82%	-7.24%
HĐTL S&P500	4387.00	0.87%	4349.00	-1.24%	-3.03%	-6.97%
Shang- hai	3455.67	0.66%	3433.06	-2.58%	-2.88%	-4.49%
Euro Stoxx	4152.78	1.83%	4078.26	0.59%	-2.71%	-3.15%

Phân tích kỹ thuật
PLX_Xu hướng hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: PLX đã có tín hiệu hồi phục trong phiên hôm nay. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, cho thấy cổ phiếu vẫn đang hấp dẫn dòng tiền đầu tư. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đang ủng hộ nhịp vận động tích cực. Đường giá cổ phiếu vẫn đang đã vượt lên ngưỡng MA20 và MA50, báo hiệu xu hướng tăng giá đã hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 57.0, chốt lãi tại ngưỡng 62.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 54.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

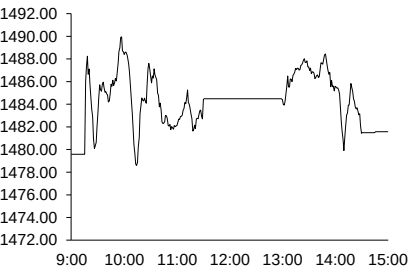
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	3.10%
Viễn thông	3.08%
Bảo hiểm	2.26%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.53%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.34%
Du lịch và Giải trí	1.14%
Bán lẻ	0.91%
Truyền thông	0.65%
Ngân hàng	0.61%
Bất động sản	0.15%
Tài nguyên Cơ bản	0.06%
Y tế	-0.20%
Dịch vụ tài chính	-0.60%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.81%
Công nghệ Thông tin	-0.98%
Thực phẩm và đồ uống	-1.10%
Xây dựng và Vật liệu	-1.27%
Hóa chất	-1.35%
Ô tô và phụ tùng	-2.65%

Hình 1

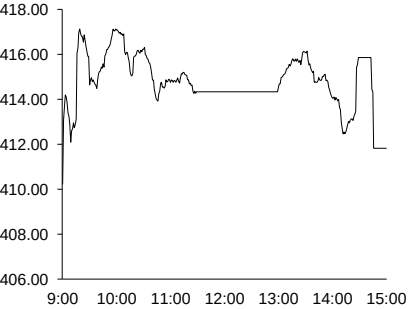
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

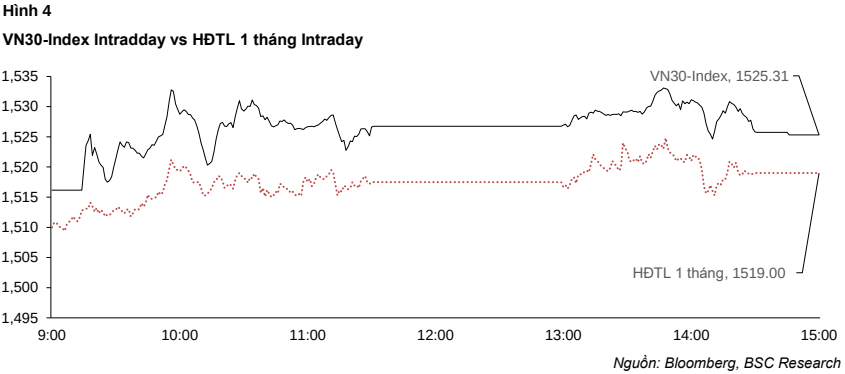
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
1/25/2022	GAS	109.5	121	106	112.2	1	2.47%	Có thể tiếp tục mua
1/21/2022	DBC	76.5	89.5	70	73.3	5	-4.18%	Có thể tiếp tục mua
1/19/2022	PHR	79.1	95.1	74	78.2	7	-1.14%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/18/2022	PLC	46	59.4	45	45.3	8	-1.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/17/2022	HVN	22.9	25.2	22	24.1	9	5.24%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/31/2021	PNJ	96	110.2	90.6	101	26	5.21%	Có thể tiếp tục mua
12/23/2021	BSR	22.9	26	22	25.2	34	10.04%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	PVC	14.8	18	14	15.9	49	7.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
1/13/2022	EVE	18.3	20	17.55	SL	4	-4.10%
1/12/2022	TID	61.9	75.3	57.5	SL	5	-7.11%
1/11/2022	APC	29.95	35	28.3	SL	6	-5.51%
1/7/2022	PHC	18.3	21.3	17.7	SL	6	-3.28%
1/6/2022	D2D	65.3	70	60	SL	11	-8.12%
1/5/2022	GVR	38.4	43	37.5	SL	8	-2.34%
1/4/2022	HT1	23.9	28.3	22.9	SL	9	-4.18%
12/30/2021	HCM	45.95	56	43.45	SL	11	-5.44%
12/29/2021	CTS	43	55.5	40	SL	20	-6.98%
12/28/2021	LHG	50	59	48	SL	21	-4.00%
12/27/2021	TNA	15	17	16	TP	3	13.33%
12/22/2021	TDT	14.6	17.3	13.7	SL	22	-6.16%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	3	3.70%	-2.28%	2.94%	20
Cổ phiếu đã chốt	227	173	8.00%	-7.47%	5.04%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2202	1519.00	1.00%	-6.31	-25.8%	154,409	2/17/2022	24
VN30F2203	1516.10	1.07%	-9.21	37.7%	515	3/17/2022	52
VN30F2206	1506.40	0.63%	-18.91	38.6%	115	6/16/2022	143
VN30F2209	1511.70	0.91%	-13.61	17.2%	75	9/15/2022	234

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 9.15 điểm lên 1525.31 điểm. Các cổ phiếu ngân hàng như VPB, STB, MBB, ACB, TCB, HDB đã tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 hồi phục mạnh sau khi chạm vùng hỗ trợ 1470-1480 điểm, cho thấy lực đỡ của thị trường tại vùng này khá mạnh. Xu hướng hồi phục dự kiến sẽ chứng lại quanh vùng 1520-1530 điểm khi thị trường tích lũy lấy đà tăng tiếp.
- Nhịp tăng của VN30 đã kéo theo sự tăng điểm số của các HĐTL. Xét về khối lượng giao dịch, chỉ có HĐ VN30F2202 giảm, các HĐ còn lại tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng trừ VN30F2203. Điểm số tăng và lượng hợp đồng mở tăng cho thấy xu hướng tích lũy theo chiều long. Các nhà đầu tư có thể canh mua ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2111	4/8/2022	72	6.99:1	330,200	31.77%	1,900	1,150	27.78%	134	8.55	153,102	130,000	131,900
CACB2103	5/24/2022	118	2:1	24,000	31.84%	3,700	3,300	14.58%	1,509	2.19	58,600	37,000	35,450
CACB2102	7/1/2022	156	4:1	301,900	31.84%	2,900	2,740	10.04%	1,423	1.93	45,136	35,000	35,450
CVRE2201	9/20/2022	237	2.22:1	230,100	38.52%	1,200	1,500	8.70%	999	1.50	96,500	34,000	33,900
CSTB2201	9/21/2022	238	8:1	633,500	41.06%	1,500	2,190	6.83%	1	1,645.36	100,197	29,888	35,550
CVRE2114	5/24/2022	118	3.88:1	5,300	38.52%	3,160	4,000	6.10%	240	16.64	62,550	34,000	33,900
CVHM2113	7/1/2022	156	4:1	141,800	29.64%	3,270	1,620	5.88%	6,846	0.24	67,250	90,000	81,200
CHPG2202	9/21/2022	238	5:1	591,600	33.91%	1,100	690	4.55%	161	4.29	106,698	53,888	43,450
CVHM2115	8/17/2022	203	4:1	578,800	29.64%	1,230	900	3.45%	10,075	0.09	96,688	94,000	81,200
CVHM2114	5/4/2022	98	3.7:1	205,500	29.64%	1,100	660	1.54%	13,051	0.05	31,080	89,999	81,200
CVIC2107	4/8/2022	72	10:1	59,000	28.09%	1,600	1,800	0.00%	1,384	1.30	250,937	93,000	96,400
CMSN2108	4/27/2022	91	2:1	63,000	36.97%	1,600	750	-1.32%	58,677	0.01	112,806	159,999	147,000
CMSN2107	3/14/2022	47	2:1	3,200	36.97%	3,100	2,020	-1.46%	58,590	0.03	54,768	150,000	147,000
CTPB2101	4/6/2022	70	5:1	15,700	41.57%	2,500	3,000	-3.23%	23	128.54	30,280	33,333	39,200
CMWG2112	3/1/2022	34	20:1	148,100	31.77%	3,420	870	-3.33%	1	1,003.85	34,749	140,000	131,900
CTPB2201	9/20/2022	237	1:1	86,700	41.57%	1,800	1,600	-5.88%	1,126	1.42	113,188	42,000	39,200
CVHM2109	2/10/2022	15	4:1	141,200	29.64%	2,500	50	-16.67%	7,824	0.01	34,760	98,654	81,200
CMSN2110	4/8/2022	72	2:1	851,400	36.97%	2,200	1,550	-16.67%	58,888	0.03	122,042	142,000	147,000
CVIC2109	5/24/2022	118	16:1	3,200	28.09%	2,500	2,210	-17.23%	657	3.36	66,250	102,000	96,400
CPNJ2107	2/10/2022	15	10:1	67,300	30.53%	2,500	60	-50.00%	0	193,418.46	47,980	110,000	101,000
Tổng				4,151,300	34.24%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/01/2022, phần lớn các chứng quyền tăng theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CVNM2111 và CMSN2110 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt là 70.00% và 50.00%. Giá trị giao dịch tăng mạnh 45.63%. CTPB2101 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.88% thị trường.
- CSTB2202, CTCB2105, CMSN2108 và CMSN2107 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CNVL2201, CVHM2112, CVHM2114 và CVIC2108 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMSN2110, CMSN2108 và CMSN2107 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	131.9	0.7%	0.8	4,088	5.4	6,130	21.5	5.0	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	101.0	4.1%	0.9	998	8.0	4,543	22.2	3.8	47.4%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	53.0	2.7%	1.4	1,711	1.8	2,473	21.4	1.8	26.4%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	47.1	2.8%	0.5	480	0.5	3,543	13.3	1.5	57.6%	10.9%
VIC	Bất động sản	96.4	0.4%	0.7	15,949	8.0	1,248	77.2	3.6	13.7%	5.1%
VRE	Bất động sản	33.9	2.3%	1.1	3,349	13.3	954	35.5	2.5	29.8%	7.4%
VHM	Bất động sản	81.2	0.2%	1.1	15,373	13.8	8,883	9.1	3.1	23.7%	40.3%
DXG	Bất động sản	34.2	5.7%	1.3	885	12.9	1,299		2.4	28.8%	10.3%
SSI	Chứng khoán	42.5	-0.8%	1.5	1,813	15.7	2,172	19.5	3.1	38.7%	19.4%
VCI	Chứng khoán	54.4	-0.2%	1.0	788	3.4	4,512	12.1	2.8	20.9%	27.1%
HCM	Chứng khoán	35.0	-3.0%	1.5	696	2.9	2,805	12.5	2.2	41.5%	19.5%
FPT	Công nghệ	86.0	-0.6%	0.9	3,393	3.4	4,354	19.8	4.3	49.0%	25.7%
FOX	Công nghệ	70.0	0.3%	0.4	999	0.0	4,304	16.3	4.9	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	112.2	2.5%	1.3	9,337	7.0	4,381	25.6	4.2	2.8%	17.4%
PLX	Dầu khí	57.0	4.8%	1.5	3,149	11.9	2,650	21.5	3.0	17.2%	14.2%
PVS	Dầu khí	28.4	-0.7%	1.6	590	7.4	1,186	23.9	1.1	8.6%	4.6%
BSR	Dầu khí	25.4	1.6%	0.8	3,424	12.9	(909)		2.5	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	98.5	0.0%	0.4	560	0.1	5,720	17.2	3.4	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	40.8	-1.4%	0.8	694	3.4	4,018	10.2	1.8	9.2%	18.6%
DCM	Hóa chất	26.2	-1.9%	0.7	602	2.8	1,701	15.4	2.1	5.7%	13.7%
VCB	Ngân hàng	94.5	-1.4%	1.1	19,444	10.4	4,465	21.2	4.1	30.1%	20.8%
BID	Ngân hàng	48.1	-1.8%	1.3	10,579	8.7	1,947	24.7	2.9	16.8%	12.2%
CTG	Ngân hàng	37.7	1.8%	1.3	7,867	36.1	3,449	10.9	1.9	25.7%	18.6%
VPB	Ngân hàng	35.9	2.9%	1.2	6,939	29.1	2,781	12.9	2.6	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	33.3	2.1%	1.2	5,470	40.2	2,940	11.3	2.2	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	35.5	1.7%	1.0	4,165	13.1	3,554	10.0	2.1	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	59.0	3.3%	0.7	210	0.7	2,618	22.5	2.1	84.9%	9.0%
NTP	Nhựa	63.5	-0.8%	0.4	325	0.5	3,951	16.1	2.8	18.1%	17.6%
MSR	Tài nguyên	23.8	-0.4%	0.8	1,137	0.1	39	610.3	1.9	10.1%	0.3%
HPG	Thép	43.5	0.5%	1.1	8,450	29.0	7,087	6.1	2.3	23.7%	45.6%
HSG	Thép	30.9	0.3%	1.4	663	4.1	8,458	3.7	1.4	6.7%	47.6%
VNM	Tiêu dùng	79.7	0.6%	0.6	7,242	5.0	4,511	17.7	5.4	54.6%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	143.7	-0.9%	0.8	4,007	0.8	5,883	24.4	4.3	62.5%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	147.0	-3.9%	0.8	7,545	6.3	2,031	72.4	8.1	28.8%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	22.0	0.9%	1.3	602	2.3	1,066	20.6	1.7	7.1%	8.3%
ACV	Vận tải	84.8	0.4%	0.8	8,026	0.1	577	147.0	4.9	3.8%	3.4%
VJC	Vận tải	121.1	-0.2%	1.1	2,852	3.5	2,271		3.9	16.4%	7.7%
HVN	Vận tải	24.1	3.2%	1.7	2,320	6.1	(6,523)		22.3	6.1%	-267.4%
GMD	Vận tải	42.0	-2.3%	1.0	550	1.9	1,443	29.1	2.1	40.5%	7.4%
PVT	Vận tải	21.4	-0.5%	1.4	301	1.6	2,443	8.8	1.4	12.7%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	106.0	0.0%	0.8	737	0.3	10,231	10.4	3.6	3.9%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	49.7	0.4%	0.5	969	1.4	2,738	18.1	3.1	3.5%	18.2%
HT1	Vật liệu xây dựng	19.1	-3.8%	0.9	317	1.0	969	19.7	1.4	2.4%	7.0%
CTD	Xây dựng	108.7	-1.2%	1.1	349	2.4	727	149.5	1.0	47.6%	0.7%
CII	Xây dựng	29.5	-6.9%	0.8	307	20.9	12	2491.2	1.5	11.2%	0.1%
REE	Điện	64.9	0.9%	-1.4	872	1.4	5,541	11.7	1.6	49.0%	14.7%
PC1	Điện	34.0	2.1%	-0.4	348	1.0	2,804	12.1	1.7	4.5%	16.5%
POW	Điện	16.3	-1.5%	0.6	1,660	7.7	1,240	13.1	1.3	2.8%	10.0%
NT2	Điện	22.4	-2.2%	0.6	280	0.4	1,778	12.6	1.5	14.0%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	54.6	-1.3%	1.2	1,353	20.0	1,706	32.0	2.0	17.2%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	77.2	0%	1.1	3,474	2.4			5.2	2.3%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	112.20	2.47	1.38	1.44MLN
VPB	35.90	2.87	1.18	18.81MLN
PLX	57.00	4.78	0.90	4.91MLN
CTG	37.65	1.76	0.83	21.98MLN
MBB	33.30	2.15	0.70	27.72MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-1.89	969400	1.11MLN
VCB	0.00	-1.28	2.52MLN	607060
BID	0.00	-0.96	4.05MLN	373600
PDR	0.00	-0.42	2.97MLN	192700
VCG	-0.01	-0.38	8.66MLN	611640

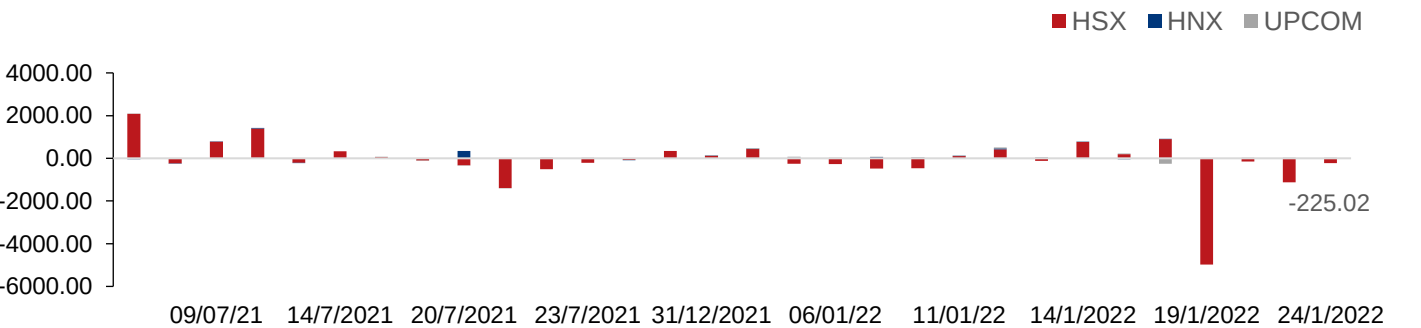
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	14.60	6.96	0.01	173700.00
LPB	24.60	6.96	0.51	34.45MLN
DGW	101.60	6.95	0.16	658000
NHA	66.60	6.90	0.03	166600
CCI	27.35	6.84	0.01	3200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NBB	31.90	-7.00	-0.06	3.49MLN
KSB	37.90	-6.99	-0.06	2.35MLN
HID	8.65	-6.99	-0.01	1.42MLN
JVC	7.86	-6.98	-0.02	2.23MLN
HAR	8.28	-6.97	-0.02	1.31MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	27.5	1,267	21.7	1.5	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	25.4	-909	#N/A N/A	2.5	Click
4	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	68.5	-511	#N/A N/A	6.3	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	37.6	3,855	9.8	1.6	Click
6	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	73.3	8,518	8.6	1.8	Click
7	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	26.2	1,701	15.4	2.1	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	138.5	13,121	10.6	3.9	Click
9	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	101.6	7,494	13.6	5.0	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	62.2	5,988	10.4	3.1	Click
11	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	40.8	4,018	10.2	1.8	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	28.0	2,450	11.4	1.9	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	34.2	1,299	26.3	2.4	Click
14	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	21.7	839	25.9	1.3	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	86.0	4,354	19.8	4.3	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	112.2	4,381	25.6	4.2	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	43.5	7,087	6.1	2.3	Click
18	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	30.9	8,458	3.7	1.4	Click
19	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	21.2	157	135.3	1.9	Click
20	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	16.5	1,655	10.0	0.8	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	15.2	1,251	12.1	1.1	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	50.4	1,856	27.2	3.3	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	49.5	6,706	7.4	1.7	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	31.0	3,858	8.0	0.9	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	74.9	8,024	9.3	2.4	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	131.9	6,130	21.5	5.0	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	31.3	10,793	2.9	1.2	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	51.0	3,181	16.0	2.2	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.4	1,778	12.6	1.5	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	34.0	2,804	12.1	1.7	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	35.6	2,201	16.2	1.8	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	101.0	4,543	22.2	3.8	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	101.0	4,543	22.2	3.8	Click
34	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.3	1,240	13.1	1.3	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	64.9	5,541	11.7	1.6	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.0	1066.2	20.6	1.7	Click
37	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	30.9	1,064	29.0	3.2	Click
38	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	33.8	14,369	2.3	0.9	Click
39	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	78.0	3,013	25.9	5.3	Click
40	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	23.0	3,114	7.4	2.6	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	23.4	570	41.1	1.9	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	64.4	6,052	10.6	2.0	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	79.7	4,511	17.7	5.4	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	33.9	954	35.5	2.5	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	39.3	3306.9	11.9	1.9	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.0	1,559	18.0	1.7	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	65.5	3,256	20.1	5.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
2	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
5	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
6	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
8	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
11	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
13	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
14	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
21	Banking Sector Outlook		x	Click
22	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
24	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
25	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
26	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
27	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
29	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
30	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
31	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
32	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
34	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
35	Fishery Outlook 2021		x	Click
36	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
37	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
38	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
40	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
41	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
42	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639